

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2025/DS - ST

Ngày 25 – 9 – 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trọng Tâm và ông Lê Văn Tập

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 235/2025/TLST – DS ngày 03 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2025/QĐST – DS ngày 09 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP L;

Địa chỉ: LPB T, số B T, Quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo ủy quyền

+ Ông Lê Anh T – Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ - Phòng Thu hồi nợ phía Nam – Ngân hàng L1; có mặt.

Địa chỉ: Số B P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk)

*** Bị đơn:** Ông Trần T1 và bà Trần Thị D; cùng vắng mặt

Địa chỉ: Số A Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ông Trần T1 và bà Trần Thị D có vay vốn tại Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh Đ (*Tiền thân là Ngân hàng TMCP B*) (*sau đây gọi là Ngân hàng*) theo:

a) Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDHM66020230562 ngày 28/07/2023 cụ thể:

Số tiền cho vay: 2.800.000.000 đồng. (*Hai tỷ tám trăm triệu đồng*);

Số tiền đã nhận nợ: 2.800.000.000 đồng (*theo khế ước nhận nợ số 66020230562/03 ngày 17/05/2024*).

Thời hạn cho vay: **Từ ngày 18/05/2024 đến hết ngày 17/05/2025;**

Lãi suất cho vay: **9%/năm (Lãi suất cố định).**

Lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn thời điểm chuyển nợ quá hạn;

Lãi chậm trả lãi: 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

Hình thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ, **lãi trả ngày 17 hàng tháng theo dư nợ thực tế.**

Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn kinh doanh mua bán giày dép.

Ngày trả nợ cuối cùng: 17/05/2025

Dư nợ gốc còn lại: 2.800.000.000 đồng.

Số ngày quá hạn: 272 ngày.

b) Ngoài ra, ông Trần T1 còn vay tại Ngân hàng theo Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 09/10/2023, cụ thể:

Hạn mức được cấp: 200.000.000 đồng;

Dư nợ gốc hiện tại đến 15/04/2025: 185.305.976 đồng;

Số ngày quá hạn 252 ngày.

Để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ, ông Trần Thắng thế C tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 509569, số vào sổ cấp GCN: CH-08201 do UBND Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/08/2013 (*cập nhật thay đổi ngày 04/04/2014*) theo thửa đất số 96 tờ

bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất tại Số A Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do ông Trần T1 làm chủ tài sản.

Tài sản trên đã được đăng ký thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số HĐTC6602023105 ngày 28/07/2023, đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 28/07/2023 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần T1 – bà Trần Thị D vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Khoản vay chuyển nợ quá hạn từ ngày 18/11/2024. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ/làm việc với ông Trần T1 – bà Trần Thị D tuy nhiên các bên không thực hiện được các cam kết đưa ra, không tự nguyện bàn giao tài sản cho Ngân hàng xử lý.

Kể từ thời điểm vay vốn đến hiện tại ông Trần T1 và bà Trần Thị D đã thanh toán được một phần nợ gốc là 0 đồng và một phần nợ lãi là 126.378.774 đồng.

Do đó, Ngân hàng TMCP L khởi kiện kính đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk xem xét và giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông Trần T1 – bà Trần Thị D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng TMCP L theo Hợp đồng hạn mức số HDHM66020230562 ngày 28/07/2023 và Khế ước nhận nợ số 66020230562/03 ngày 17/05/2024 với tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2025) là: 3.067.373.913 đồng, trong đó:

- + Nợ gốc là: 2.800.000.000 đồng
- + Lãi trong hạn là: 125. 621.226 đồng
- + Lãi quá hạn là: 134.630.137 đồng
- + Lãi chậm trả: 7.122.550 đồng.

Ngoài ra ông Trần T1 phải có trách nhiệm trả nợ theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 09/10/2023 với tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2025) là 249.610.421 đồng, trong đó:

- + Nợ gốc: 185.305.976 đồng
- + Nợ lãi: 67.380.299 đồng.
- + Nợ phí thẻ: 1.277.754 đồng
- + Nợ thuế thẻ: 127.775 đồng

Kể từ ngày 26/9/2025, ông Trần T1 – bà Trần Thị D phải chịu lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và các cam kết ký kết với Ngân hàng cho

đến khi tất toán khoản vay.

Ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Trần T1 – bà Trần Thị D không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng TMCP L được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ vay. Sau khi xử lý hết TSBĐ mà vẫn không trả hết nợ, ông Trần T1 – bà Trần Thị D có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông Trần T1, bà Trần Thị D vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo.

- Về nội dung vụ án: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L.

Buộc ông Trần T1 và bà Trần Thị D có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP L toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh tạm tính đến hết ngày 25/9/2025 cụ thể là: 3.067.373.913 đồng, trong đó: Nợ gốc: 2.800.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 125. 621.226 đồng; Nợ lãi phạt gốc: 134.630.137 đồng; Nợ lãi phạt lãi: 7.122.550 đồng;

Buộc ông Trần T1 có nghĩa vụ phải trả đối với hợp đồng thẻ tín dụng tính đến ngày 25/9/2025 là 249.610.421 đồng, cụ thể: Nợ gốc: 185.305.976 đồng; Nợ lãi: 62.898.916 đồng; Nợ phí: 1.277.754 đồng; Nợ thuế: 127.775 đồng;

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, ông Trần T1 và bà Trần Thị D phải chịu lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và các cam kết ký kết với Ngân hàng cho đến khi tất toán khoản vay.

Ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Trần T1 - bà Trần Thị D không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ theo các Hợp

đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng TMCP L được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, bị đơn ông Trần T1, bà Trần Thị D có địa chỉ tại số A Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk). Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần T1, bà Trần Thị D đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về số tiền vay:

Ngày 28/07/2023, ông Trần T1, bà Trần Thị D có xác lập với Ngân hàng TMCP L hợp đồng tín dụng số HDHM6602023056, số tiền vay là 2.800.000.000 đồng, lãi suất cố định là 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hai bên đã thực hiện giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 66020230562/03 ngày 17/05/2024.

Ngoài ra, ngày 09/10/2023, cá nhân ông Trần T1 còn ký với Ngân hàng Giấy đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức 200.000.000 đồng. Tính đến thời điểm hiện tại, số dư nợ gốc là 185.305.976 đồng.

Xét thấy, Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị phát hành kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đều được các bên xác lập hoàn toàn tự nguyện, nội dung của các hợp đồng không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự nên cả 02 Hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật.

Đối với Hợp đồng tín dụng số HDHM6602023056 ngày 28/7/2023 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần T1, bà Trần Thị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 18/11/2024. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần T1, bà Trần Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 25/9/2025 là 3.067.373.913 đồng là có căn cứ để chấp

nhận.

Đối với Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, chỉ có một mình chữ ký của ông Trần T1, không có chữ ký của bà Trần Thị D, không có căn cứ để xác định ông Trần T1 sử dụng số tiền vay nói trên vào mục đích chung của gia đình, nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu cá nhân ông Trần T1 phải thanh toán số tiền gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng này với số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2025 là 249.610.421 là có căn cứ.

[2.2]. Về tài sản bảo đảm:

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ của mình và của người khác số: HĐTC6602023105 ngày 28/07/2023, HĐXX nhận thấy: Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ, ông Trần T1 là người đang trực tiếp, quản lý đối với tài sản bảo đảm, Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên đã được công chứng tại Văn phòng C1 và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Tại mục 1.1.1 của Hợp đồng thế chấp trên xác định tài sản thế chấp nói trên được dung để bảo đảm cho “Các hợp đồng cấp tín dụng khác xác lập từ thời điểm ký hợp đồng này đến ngày 28/7/2028 giữa Bên vay và/hoặc bên thế chấp với bất kỳ đơn vị nào thuộc bên nhân thế chấp và/hoặc L1”.

Như vậy, Hợp đồng thế chấp HĐTC6602023105 ngày 28/07/2023 được bảo đảm cho cả khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số HDHM6602023056 ngày 28/7/2023 của ông Trần T1, bà Trần Thị D và khoản vay theo Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/10/2023 của cá nhân ông Trần T1. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp ông Trần T1, bà Trần Thị D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ như đã cam kết là có căn cứ cần chấp nhận.

[3]. Về chi phí tố tụng và án phí:

[3.1]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là có căn cứ và cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản nên cần buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này là phù hợp với quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần T1, bà Trần Thị D phải chịu 93.347.478 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Ông Trần T1 phải chịu 12.704.590 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần L.

1.1. Buộc ông Trần T1, bà Trần Thị D trả cho Ngân hàng TMCP L số tiền tính đến hết ngày 25/9/2025 là: 3.067.373.913 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc là: 2.800.000.000 đồng

+ Lãi trong hạn là: 125.621.226 đồng

+ Lãi quá hạn là: 134.630.137 đồng

+ Lãi chậm trả: 7.122.550 đồng.

Kể từ ngày ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2025), ông Trần T1, bà Trần Thị D phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho vay cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

1.2. Buộc ông Trần T1 trả cho Ngân hàng TMCP L số tiền theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/10/2023 tính đến hết ngày 25/9/2025 là: 254.091.804 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 185.305.976 đồng

+ Nợ lãi: 67.380.299 đồng.

+ Nợ phí thẻ: 1.277.754 đồng

+ Nợ thuê thẻ: 127.775 đồng

Kể từ ngày ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2025), ông Trần T1 phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/10/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[2]. Về xử lý tài sản bảo đảm:

Sau khi ông Trần T1, bà Trần Thị D trả hết nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng TMCP L có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần T1 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 509569, số vào sổ cấp GCN: CH-08201 do UBND Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/08/2013 (cập nhật thay đổi chủ sử dụng cho ông Trần T1 ngày 04/04/2014) đối với thửa đất số 96 tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất tại Số A Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk).

Trường hợp ông Trần T1, bà Trần Thị D không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP L được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC6602023105 ngày 28/07/2023 giữa ông Trần T1 với Ngân hàng TMCP L, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 509569, số vào sổ cấp GCN: CH-08201 do UBND Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 14/08/2013 (*cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 04/04/2014 cho ông Trần T1*) đối với thửa đất số 96 tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất tại số A Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk).

[3]. Về chi phí tố tụng và án phí:

[3.1]. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Trần T1, bà Trần Thị D phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp sau khi thu được từ ông Trần T1, bà Trần Thị D.

[3.2]. Về án phí:

Ông Trần T1, bà Trần Thị D phải chịu 93.347.478 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Ông Trần T1 phải chịu 12.704.590 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận

lại số tiền 47.189.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001155 ngày 28/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Phòng Thi hành án dân sự 1- Đắk Lắk)

[3]. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hương Giang